

Bản án số: 391/2020/HC-PT

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 339/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2154/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1943. Địa chỉ: Số 143, Xóm 8, thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 143, Xóm 8, thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D, Văn pHg luật sư Chuyên Chính. Địa chỉ: Số 237/25/15,

Đường Lê Văn Khương, khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Đ – Chủ tịch (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Văn H, sinh năm 1966.

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Xóm 24, thôn Hà Thủy, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Ủy ban nhân dân xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 34, diện tích 7.305m², thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 do UBND huyện Tuy Phong cấp ngày 01/4/2014 cho hộ ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S, do cha mẹ của ông T cho lại vào năm 1967-1968, sau khi được giao đất thì ông T trồng đậu phộng, dừa lấy hạt và các cây ngắn ngày khác. Đến năm 1972, ông T được chính quyền chế độ cũ cấp Chứng thư cấp quyền sở hữu, số thửa là 0449M, thuộc tờ bản đồ số 105, tọa lạc tại xã Thượng Văn, tỉnh Bình Thuận. Ngoài những thông tin địa chính nêu trên, người khởi kiện không biết thông tin địa chính nào khác như tứ cận của thửa đất tại thời điểm cấp, vị trí thửa đất theo bản đồ mới (bản đồ 299, bản đồ 920). Việc chuyển giao bản đồ giữa chế độ cũ với chính quyền là do cơ quan Nhà nước thực hiện, ông T không rõ.

Khi được cho đất sử dụng thì trên đất đã có 05 ngôi mộ gồm mộ của cụ bà Nguyễn Thị L1 là bác dâu của ông T, chết ngày 25/5/1938; mộ của cụ ông Nguyễn É là ông nội bác của ông T, chết vào ngày 01/02/1940; cụ ông Nguyễn L là bác ruột của ông T, chết vào năm 1962; ông Nguyễn Thành là cháu của ông T, chết năm 1963; ông Nguyễn Tâm, là cháu của ông T chết vào năm 1963. Trong đó, cụ L và cụ L1 là vợ chồng nhưng không có con, còn cụ É là cha ruột của cụ L, còn hai ông Thành ông Tâm là con của chị ruột ông T, hiện gia đình ông T là người trực tiếp chăm sóc, quản lý, tảo mộ, cúng viếng.

Từ năm 1993, vợ ông T bị tai nạn nên không có khả năng lao động, bản thân ông T lúc đó đang công tác tại Hội chữ thập đỏ xã Chí Công nên không còn canh tác diện tích đất tranh chấp nữa, chỉ lui tới quản lý và đắp ranh đất để xác định mốc giới.

Đến trước năm 2008, gia đình ông T biết chủ trương của Nhà nước về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông chưa thực hiện việc đăng ký. Năm 2008, khi ông T đề nghị được cấp sổ thì địa chính xã Chí Công trả lời miệng đất này nằm trong hành lang đường bộ nên không cấp giấy chứng nhận được, ông T không khiếu nại, khiếu kiện gì.

Đến năm 2017, gia đình ông T đi thăm mộ thì phát hiện ông Mai Sáu H sử dụng đất, nên gia đình ông T có khởi kiện tranh chấp đất đai tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Trong quá trình khởi kiện, tháng 01/2018, gia đình ông T biết được thửa đất của mình đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, ông T khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 cấp ngày 01/4/2014 của UBND huyện Tuy Phong cấp cho hộ ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S.

Tại Công văn số 3490/UBND-TH ngày 28/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là UBND huyện Tuy Phong trình bày:

Từ năm 1985, gia đình ông Nguyễn Đức T không còn tác động gì trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21, thửa đất bị bỏ hoang. Đến năm 1990, vợ chồng ông Trần Trọng Tín và bà Trần Thị Tuyết đến khai hoang. Đến năm 2000 thì chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S. Ngày 01/4/2014, ông H và bà S được UBND huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798.

Chứng thư quyền sở hữu mà ông Nguyễn Đức T cung cấp là giấy tờ do chế độ cũ cấp, tuy nhiên lại không xác định được vị trí, tứ cận của thửa đất. Do vậy, không có căn cứ xác định thửa đất số 34 này là thửa đất được nêu trong Chứng thư quyền sở hữu. Đối với 05 ngôi mộ trên đất, là do người dân chôn cất tự phát, chính quyền địa phương không quản lý, không biết được thân nhân của họ, nếu đương sự có yêu cầu thì UBND huyện Tuy Phong sẽ xem xét tách diện tích đất có phần mộ ra khỏi diện tích đất cấp cho ông H, bà S.

UBND huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà S là đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S trình bày: Thửa đất số 34, có diện tích 7.305m², có nguồn gốc là do gia đình ông Trần Trọng Tín khai hoang, đến năm 2000 thì chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông bà. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng đến ngày 01/4/2014, được UBND huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798. Khi nhận chuyển nhượng do cây cỏ um tùm nên ông H bà S không xác định được có mộ hay không. Năm 2014, gia đình ông bà tiến hành cày đất để canh tác thì phát hiện trên đất có mộ, ông bà không biết mộ của ai, sau đó gia đình ông T nhận là mộ của gia đình ông.

Ông Trần Trọng Tín, bà Nguyễn Thị Tuyết và Hồ Thị Yến trình bày: Thửa đất có diện tích 7.305m² có nguồn gốc là do gia đình bà Yến (mẹ ông Tín) khai hoang, đến năm 1996 thì cho lại gia đình ông Tín. Do canh tác không hiệu quả nên năm 2000 đã chuyển nhượng lại cho ông H bà S. Ông Tín không thấy ông T sử dụng diện tích đất này, trong quá trình gia đình ông Tín sử dụng thì gia đình ông T không tranh chấp. Diện tích đất nêu trên gia đình ông Tín đã chuyển nhượng cho ông H bà S nên nay ông T khởi kiện, ông Tín không có ý kiến gì.

UBND xã Chí Công, huyện Tuy Phong trình bày: Thống nhất với quan điểm của UBND huyện Tuy Phong.

Ông Trần Minh Công từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Từ nội dung vụ án trên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên xử:

Căn cứ

Điều 3, Điều 30, Điều 116, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 50; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 107, Luật đất đai.

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 84/2007/TT-BTNMT ngày 22/5/2007 của Chính phủ và Mục 1 Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 do UBND huyện Tuy Phong cấp ngày 01/4/2014 cho hộ ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Mai Sáu H (người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án) kháng cáo. Ông H cho rằng đất ông mua của ông Trần Trọng Tín, bà Nguyễn Thị Tuyết, ông được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 01/4/2014. Tòa án cấp sơ thẩm xử: Chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho ông vào ngày 01/4/2014 là không đúng, nên ông kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay ông Mai Sáu H vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo như trên.

Đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị Kim T1 (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T) đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tại Tòa Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Sáu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Mai Sáu H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) kháng cáo làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo đơn khởi kiện thì ông Nguyễn Đức T cho rằng nguồn gốc phần đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 21, diện tích 7,305m² mà Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 ngày 01/4/2014 cho hộ ông Mai Sáu H, bà Nguyễn Thị S là của cha

mẹ ông T cho lại ông T vào năm 1967-1968; năm 1972 thì ông T được chế độ cũ cấp Chứng thư quyền sở hữu số thửa là 0449M, thuộc tờ bản đồ số 105, tọa lạc tại xã Thượng Văn, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, hiện trên đất có 05 ngôi mộ như: mộ cụ bà Nguyễn Thị L1 là bác dậu của ông T chết ngày 25/5/1938; mộ cụ Nguyễn É là ông nội bác của ông T chết ngày 01/02/1940; mộ ông Nguyễn L là bác ruột của ông T, chết năm 1962; mộ ông Nguyễn Thành là cháu ông T, chết năm 1963; mộ ông Nguyễn Tâm là cháu của ông T, chết năm 1963.

Ông T cho rằng từ năm 1993 ông không canh tác phần đất trên vì ông bị tai nạn giao thông và tham gia công tác Hội chữ thập đỏ xã Chí Công, mà chỉ đi viếng mộ, đắp ranh đất, năm 2008 thì ông có đến xã xin đăng ký quyền sử dụng đất thì cán bộ xã trả lời là đất hành lang đường bộ không cho đăng ký, nên ông không đăng ký và cũng không khiếu nại, năm 2017 ông phát hiện phần đất trên Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp quyền sử dụng đất cho ông H, bà S; nên ông khởi kiện đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho ông H, bà S như trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong xác định - việc cấp quyền sử dụng đất phần đất trên cho hộ ông H, bà S Ủy ban nhân dân không biết được trên đất có 04 ngôi mộ theo như kết quả đo đạc, xác minh của Tòa án, nên xác định có 04 ngôi mộ trên phần đất trên thì Ủy ban nhân dân sẽ tách phần đất có mộ này ra khỏi giấy chứng nhận mà Ủy ban nhân dân đã cấp cho hộ ông H, bà S.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Đức T cung cấp Chứng thư quyền sở hữu thửa đất số 0449M, tờ bản đồ số 105, diện tích 01 ha, tọa lạc tại xã Thượng Văn (chứng thư này không có kèm theo bản đồ, không xác định tứ cận) phía Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong không xác định được hồ sơ gốc (hồ sơ chế độ cũ) Ủy ban nhân dân không quản lý, nhưng trên thực tế theo kết quả đo đạc của cấp sơ thẩm thì trong phần đất trên có tồn tại 04 ngôi mộ mà ông T khai là của thân tộc ông T. Khi cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông H, bà S thì Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cũng không xác định làm rõ nguồn gốc của phần đất trên, việc ông Tín, bà Tuyết chiếm đất rồi viết giấy tay chuyển nhượng lại cho ông H, bà S có hợp pháp không, có lấy ý kiến của khu dân cư, có niêm yết danh sách kê khai đăng ký quyền sử dụng đất hay không thì hồ sơ cấp giấy chấp nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H, bà S không thể hiện.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Mai Sáu H, bà Nguyễn Thị S không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; theo quy định tại Mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp ngày 01/4/2014 cho ông Mai Sáu H, bà Nguyễn Thị S như đã nêu trên là có căn cứ.

Ông Mai Sáu H kháng cáo nêu ra 03 vấn đề như: Đất ông nhận chuyển nhượng lại từ ông Tín, bà Tuyết, trên đất có 04 ngôi mộ trên là do người khác cải tang không phải của thân nhân gia đình ông T; xác định việc Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp quyền sử dụng phần đất trên cho ông là đúng.

Như nhận định trên thì các kháng cáo này chưa được Ủy ban nhân dân xác minh làm rõ mà Ủy ban nhân dân lại cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông H, bà S là không đúng, nên cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Ủy ban nhân dân xem xét cấp lại quyền sử dụng đất cho người kê khai đăng ký theo đúng quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của ông H, đề nghị sửa án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Chấp nhận theo quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Sáu H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Điều 3, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 50; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 107 Luật đất đai năm 2003. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

Xử:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 475798 do UBND huyện Tuy Phong cấp ngày 01/4/2014 cho hộ ông Mai Sáu H và bà Nguyễn Thị S.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Sáu H phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Ngày 02/01/2019, ông Mai Sáu H nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005616 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/8/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu Văn pHg, hồ sơ vụ án (ĐTT-15b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Chánh Trung

